

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/KDTM-PT
Ngày 03-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng sửa
chữa tàu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;
Ông Phan Trí Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Phương Hợp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 02 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2024/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sửa chữa tàu”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2024/KDTM-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐ-PT ngày 02/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐ-PT ngày 20/01/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2025/QĐ-PT ngày 20/02/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần X; địa chỉ: Số E đường B, khóm D, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: số H đường S, Khu phố A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 03/2025/GUQ/TLC-GĐ ngày 16/01/2025).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH A; địa chỉ: số E đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Gính Thanh H1 - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

Người làm chứng:

1. Công ty TNHH X1; Địa chỉ: Số G, L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 08/10/2024).

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn T; Địa chỉ: Số A, B, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hồng P – Chức danh: Giám đốc.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty TNHH A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 15 tháng 01 năm 2024, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Công ty Cổ phần X do ông Trần Đình P1 đại diện trình bày:*

Ngày 03/7/2023, Công ty X (bên A) và Công ty A (bên B) có ký Hợp đồng sửa chữa tàu số: 17A/2023/TLC. Theo đó Công ty A H2 sửa chữa sên bơm cho 02 tàu nạo vét số 13, 14 với tổng giá trị hợp đồng là 341.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng 50 ngày kể từ ngày thanh toán tiền tạm ứng. Về bản chất đây là Hợp đồng trọn gói được Công ty A thực hiện từ việc cung cấp máy móc, thiết bị vật tư cho đến việc sửa chữa, lắp đặt hoàn thiện hệ thống bơm thủy lực. Sau khi các tàu được lắp đặt hoàn thiện thì sẽ tiến hành nghiệm thu, đưa vào sử dụng ổn định và bàn giao lại cho Công ty X.

Thực hiện Hợp đồng thì ngày 08/8/2023, Công ty X đã thanh toán tiền tạm ứng cho Công ty A với số tiền là 200.000.000 đồng. Các vật tư, thiết bị, chi phí nhân công sửa chữa mà Công ty A H2 cung cấp để sửa chữa, lắp đặt, hoàn thiện tàu 13, 14 bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng
1	Sên bơm 700 mm - Bơm thủy lực, xương hàng giải nhiệt ổ bi. - Cốt D140. - Ổ phốt chống nước - Bi Đúc (140x300x102). - Cánh bơm 700mm	1 bộ

2	Bên A: Cung cấp điện, xe cẩu, vật tư phát sinh (Sắt ống, mặt bích, khớp nối...) hỗ trợ công việc lắp đặt tại công trình.	
---	--	--

Tổng giá trị hợp đồng là 341.000.000 đồng (đã bao gồm VAT ; Chi phí vận chuyển và lắp đặt).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty X đã luôn yêu cầu Công ty A thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong Hợp đồng. Tuy nhiên, đã quá thời gian theo quy định của Hợp đồng nhưng Công ty Anh H2 vẫn chưa thực hiện xong các hạng mục công việc sửa chữa tàu 13, 14 như đã cam kết mặc dù Công ty X đã nhiều lần gửi thư thông báo làm việc, cụ thể:

- Ngày 02/10/2023, Công ty X đã gửi Văn bản thông báo lần 1 số 2023/CV-TLC về việc chậm sửa chữa sên bơm cho Công ty A H2.

- Ngày 03/10/2023, Công ty A H2 có văn bản gửi Công ty X đề giải trình vụ việc về nguyên nhân chậm sửa chữa tàu 13, 14.

- Ngày 30/11/2023, Công ty X tiếp tục gửi Văn bản thông báo lần 2 số 2023/CV-TLC về việc chậm sửa chữa sên bơm nhưng không được Công ty A H2 phản hồi.

- Ngày 14/12/2023, đại diện Công ty X đã mời đại diện Công ty A H2 là ông Gính Thanh H1 tới văn phòng để trao đổi và làm rõ các công việc sửa chữa có liên quan tới tàu 13, 14. Theo đó, tại nội dung Biên bản làm việc đại diện Công ty A đề nghị được nghiệm thu hoạt động của tàu 14 mặc dù thực tế tàu này vẫn chưa được sửa chữa xong, chưa hoạt động ổn định và xác nhận việc chậm tiến độ thực hiện sửa chữa tàu 13 do không đủ năng lực.

Theo đề nghị của Công ty A H2 thì Công ty X đồng ý nghiệm thu tàu 14 đồng thời Công ty X sẽ yêu cầu Công ty TNHH A phải chịu các trách nhiệm theo Hợp đồng đã ký đối với việc chậm sửa chữa tàu 13. Tuy nhiên, sau đó phía Công ty A H2 vẫn không gửi thông báo nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu và tổ chức tiến hành nghiệm thu, bàn giao tàu 14 cho Công ty X theo thỏa thuận, mặc dù Công ty X đã chủ động liên lạc làm việc rất nhiều lần.

- Ngày 25/12/2023, Công ty X gửi Văn bản thông báo số 88/2023/CV-TLC về việc hoàn trả tiền theo Hợp đồng do Công ty A H2 không sửa chữa được tàu 13, 14 nhưng phía Công ty A H2 cũng không phản hồi.

Theo đó, Công ty X không chấp nhận việc kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng của Công ty A. Công ty X cho rằng Công ty A đã vi phạm hợp đồng, cụ thể là vi phạm quy định về thời gian thi công được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, vi phạm quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Thương mại 2005.

Mặc dù Công ty X đã thanh toán tiền tạm ứng đúng hạn nhưng Công ty A H2 đã không hoàn thành các công việc theo tiến độ đã cam kết trong Hợp đồng

mà các bên đã ký kết. Cụ thể, hiện trạng sửa chữa thực tế của tàu 13, 14 như sau: Công ty A không sửa chữa được tàu 13; Đối với tàu 14 thì Công ty A đã sửa chữa được 1 bơm, nhưng khi tàu 14 hoạt động thì bơm bị xì nước liên tục. Theo đó, Công ty X chỉ đồng ý nghiệm thu và nhận bàn giao lại tàu 13, 14 khi Công ty A hoàn thành xong hết việc sửa chữa, nghiệm thu chạy thử, vận hành ổn định hai tàu này.

Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty X đã rất nhiều lần liên hệ, đề nghị làm việc, phối hợp giải quyết công việc sửa chữa còn tồn đọng nhưng không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty A H2.

Từ các căn cứ trên, Công ty Cổ phần X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương giải quyết các vấn đề sau:

- Chấm dứt Hợp đồng sửa chữa tàu số 17A/2023/TLC ngày 03/7/2023 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty TNHH A.

- Buộc Công ty TNHH A phải hoàn trả và thanh toán cho Công ty Cổ phần X số tiền sau:

- + Tiền đã tạm ứng là 200.000.000 đồng;
- + Tiền phạt vi phạm là 27.280.000 đồng (8% theo hợp đồng);
- Về án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định.

** Theo đơn phản tố nộp ngày 19/6/2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A do ông Gính Thanh H1 trình bày.*

Ngày 03/7/2023, Công ty X và Công ty A H2 có ký Hợp đồng sửa chữa tàu số 17A/2023/TLC ngày 03/7/2023.

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC đã ký giữa Công ty X với Công ty A (xét thấy nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC không có nghĩa vụ phải thực hiện sửa chữa cả một con tàu của Công ty X nêu trong Đơn khởi kiện, mà nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC chỉ cung cấp một sên bơm). Thời gian thực hiện hợp đồng là 50 ngày. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày tạm ứng lần 1 ngày 08/8/2023 đến hết ngày 28/09/2023 là ngày hết thời hạn thực hiện nội dung hợp đồng số 17A/2023/TLC. Công ty A H2 xác định và biết rõ quyền và nghĩa vụ khi ký hợp đồng, Công ty A H2 đã tiến hành chế tạo sản xuất làm mới 01 sên bơm thực hiện đúng theo yêu cầu nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC và vận chuyển vào công trường để lắp đặt và đầu nối vào tàu vào ngày 23/9/2023. Đảm bảo đã thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu nội dung Hợp đồng số 17A /2023/TLC.

Căn cứ vào thời điểm sau khi ký Hợp đồng số 17A/2023/TLC, Công ty X xác định và biết rõ quyền và nghĩa vụ nhưng không làm đúng quyền và nghĩa vụ trong thời điểm đang thực hiện Hợp đồng số 17A/2023/TLC đã cố phá vỡ nguyên tắc Hợp đồng số 17A/2023/TLC dẫn đến việc trễ tiến độ của việc thực hiện Hợp đồng số 17A/2023/TLC của Công ty A H2, cụ thể tại thời điểm hết ngày 28/09/2023 hết thời gian thực hiện nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC mà Công ty X vẫn không:

1. Không đưa thiết bị (tàu) vào bờ để sửa chữa
2. Không cung cấp tàu để lắp đặt sên bơm.
3. Không cung cấp điện.
4. Không cung cấp xe cẩu.
5. Không cung vật tư phát sinh (ống sắt, mặt bích, khớp nối,)
6. Không hỗ trợ lắp đặt.

Như trong hợp đồng đã ký kết. Vì những lẽ trên mà mọi nội dung công việc trong Hợp đồng số 17A/2023/TLC không được thực hiện, mà mọi kinh phí nhân lực tại thời điểm Công ty A H2 phải chi trả hàng ngày này, gây thiệt hại nghiêm trọng cho kinh tế tài chính, ảnh hưởng uy tín của Công ty A H2.

Căn cứ vào thời điểm đến hết ngày 28/9/2023 Công ty A H2 biết rõ việc Công ty X phá vỡ nguyên tắc Hợp đồng số 17A/2023/TLC. Xét tới thời điểm ngày 03/10/2023, Công ty A H2 có văn bản trả lời việc chậm trễ lắp đặt sên bơm thì Công ty X mới có động thái đưa thiết bị (tàu) vào bờ để sửa chữa, cụ thể là ngày 05/10/2023 mới đòi thiết bị (tàu) vào bờ để sửa chữa nhưng tại thời điểm này vẫn chưa thể cung cấp được điện và vật tư cần thiết như: Ống sắt, mặt bích, khớp nối... để phục vụ công việc sửa chữa tại thời điểm đã hết thời gian thực hiện nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC.

Căn cứ về việc sau thời điểm Công ty X phá vỡ nguyên tắc Hợp đồng số 17A/2023/TLC, sau ngày 10/10/2023 Công ty A H2 được cấp điện và thiết bị (tàu), Công ty A H2 đã sớm hỗ trợ lắp đặt hoàn thiện thiết bị sên bơm xong theo đúng nội dung của hợp đồng để được thanh toán số tiền còn lại.

Xét thêm thời điểm trong tháng 11/2023, Công ty X kêu gọi báo giá làm thêm phần công việc sửa chữa tàu ngoài phạm vi hợp đồng, phần công việc sửa chữa tàu ngoài phạm vi hợp đồng này đã kéo dài thời gian làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc thiết bị sên bơm trong nội dung Hợp đồng số 17A/2023/TLC của Công ty A. Cụ thể thiết bị sên bơm không được hoạt động ngay tại thời điểm sau khi bị đơn đã hoàn thành phần công việc nêu trên trong phạm vi Hợp đồng số 17A/2023/TLC. Vì trước ngày 14/12/2023 phần công việc sửa chữa tàu ngoài phạm vi hợp đồng của Công ty X kêu gọi báo giá làm thêm vẫn chưa hoàn thành.

Xét thấy thời điểm sau ngày 14/12/2023 việc Công ty A H2 đã hoàn thành phần công việc sửa chữa ngoài phạm vi hợp đồng nêu trên và kết hợp với thiết bị sên bơm trong Hợp đồng số 17A/2023/TLC Công ty A cung cấp đã hoạt động ổn định và có nhật trình mà vẫn không được Công ty X thanh toán số tiền còn lại trong Hợp đồng số 17A/2023/TLC số tiền 141.000.000 đồng, vì vậy Công ty A buộc phải dừng mọi hợp tác hỗ trợ cũng như là bảo trì thiết bị trong Hợp đồng số 17A/2023/TLC nêu trên. Mọi trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ về sau không liên quan Công ty A H2.

Về Đơn khởi kiện bổ sung Công ty A H2 xin trả lời như sau: Căn cứ Công văn phúc đáp số 02 ngày 01/3/2024. Công ty A H2 không đồng ý chấm dứt Hợp

đồng số 17A/2023/TLC vì hoàn thiện phần công việc đã trễ tiến độ do Công ty X gây ra mà chưa được Công ty X thanh toán số tiền còn lại trong Hợp đồng số 17A/2023/TLC số tiền 141.000.000 đồng.

Về việc Đơn khởi kiện nêu về việc sửa chữa 02 sên bơm cho hai tàu là không đúng so với nội dung của Hợp đồng số 17A/2023/TLC: Hợp đồng số 17A/2023/TLC không quy định về quyền, nghĩa vụ phải thực hiện sửa chữa cả một con tàu của Công ty X để đưa vào hoạt động nêu trong đơn khởi kiện.

Về văn bản làm việc ngày 14/12/2023 không có quy chuẩn vì không liên quan tới phạm vi Hợp đồng số 17A/2023/TLC. Công ty A đã cố gắng phối hợp, hoàn thiện phần công việc đã trễ tiến độ do Công ty X gây ra để cho tàu đi vào hoạt động ổn định, đảm bảo tiến độ công việc của Công ty X (cả quá trình thực hiện Hợp đồng 17A/2023/TLC Công ty A H2 chỉ mới nhận được tạm ứng 200.000.000 đồng).

Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cũng như yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty X;

Đồng thời, Công ty TNHH A phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết : Buộc Công ty Cổ phần X có trách nhiệm thanh toán phần tiền còn lại của Hợp đồng số 17A/2023/TLC cho Công ty TNHH A số tiền 141.000.000 đồng (một trăm bốn mươi một triệu đồng). Thanh toán ngay sau khi có Quyết định/Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Người làm chứng Công ty TNHH X1 trình bày:*

Quá trình hợp tác thì Công ty X và Công ty X1 có ký kết Hợp đồng sửa chữa tàu số 04/2023/HĐĐT/TB-CN ngày 03/04/2023 về việc sửa chữa sên bơm cho 02 tàu hút bùn số 13 và 14 với tổng giá trị hợp đồng là 682.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 60 ngày.

Ngày 13/04/2023, Công ty X và Công ty X1 ký kết Phụ lục hợp đồng số 04/2023/HĐĐT/TB-CN về việc giảm khối lượng hợp đồng nêu trên xuống còn 341.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty X1 gặp một số khó khăn khách quan nên ngày 29/06/2023 phía Công ty Cường Nhân cùng với Công ty A và Công ty X lập Biên bản làm việc với nội dung phía Công ty X1 sẽ dừng thực hiện cung cấp vật tư, sửa chữa tàu theo hợp đồng đã ký kết ngày 03/4/2023 và phụ lục hợp đồng ký kết ngày 13/4/2023 với Công ty X, Công ty X đồng ý để Công ty X1 chuyển giao các công việc còn lại cho Công ty A H2 thay Công ty X1 thực hiện với Công ty X. Kể từ ngày lập Biên bản này thì Công ty X sẽ trực tiếp làm việc với Công ty A, Công ty X sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Công ty A H2 để Công ty A thực hiện các công việc còn lại. Mọi công việc sau này thì Công ty X sẽ liên hệ làm việc với Công ty A H2.

Công ty X1 xác định được sự đồng ý của Công ty X nên đã chuyển giao công việc của mình phải thực hiện cho bên thứ 3 là Công ty A H2. Các bên đã thống nhất quyền và nghĩa vụ cụ thể tại Biên bản làm việc ngày 29/6/2023. Công ty X1 không còn nghĩa vụ gì trong vụ việc nêu trên. Nay trước yêu cầu khởi kiện của

Công ty X thì Công ty X1 đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định để giải quyết. Công ty X1 xác định không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Người làm chứng Công ty trách nhiệm hữu hạn T trình bày:*

Ngày 29/03/2024, Công ty X và Công ty T có kí hợp đồng mua bán sửa chữa số 2903/2024/HĐMB/TBD-TLCM. Khi kí hợp đồng với Công ty X thì Công ty X không thông báo gì về việc trước đây có ký hợp đồng cung cấp vật tư sửa chữa với Công ty A H2.

Trong Hợp đồng số 2903/2024/HĐMB/TBD-TLCM ký ngày 29/03/2024 thỏa thuận Công ty T cung cấp thiết bị và sửa chữa tàu hút bùn TLCM 14 với giá trị 137.500.000 đồng cho Công ty X.

Trước khi cung cấp vật tư, thiết bị thì hiện trạng tàu hút bùn TLCM 14 không hoạt động, sau khi kí hợp đồng và Công ty T cung cấp thiết bị và sửa chữa thì tàu TLCM 14 đã hoạt động bình thường.

Hiện nay thì Hợp đồng 2903/2024/HĐMB/TBD-TLCM đã thực hiện xong và đã thanh lý hợp đồng. Công ty T xác định không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án tranh chấp giữa Công ty X và Công ty A H2. Xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (kể cả cấp phúc thẩm nếu có).

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2024/KDTM-ST ngày 18/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng sửa chữa tàu” của nguyên đơn Công ty Cổ phần X với bị đơn Công ty TNHH A.

- Tuyên Chấm dứt Hợp đồng sửa chữa tàu số 17A/2023/TLC ngày 03/7/2023 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty TNHH A.

- Buộc Công ty TNHH A phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 227.280.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), gồm:

+ Tiền đã tạm ứng là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

+ Tiền phạt vi phạm (8% theo hợp đồng) là: 27.280.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH A về việc yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X có trách nhiệm thanh toán phần tiền còn lại của Hợp đồng số 17A /2023/TLC cho Công ty TNHH A là 141.000.000 đồng (một trăm bốn mươi một triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 30/9/2024, bị đơn Công ty TNHH A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 27/02/2025, nguyên đơn Công ty Cổ phần X và bị đơn Công ty TNHH A đã lập biên bản thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Chấm dứt Hợp đồng sửa chữa tàu số 17A/2023/TLC ngày 03/7/2023 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty TNHH A.

Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn A chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải trả cho Công ty Cổ phần X.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng nộp biên bản thoả thuận ngày 27/02/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi tạm ngừng phiên toà vào ngày 20/02/2025 thì đến ngày 27/02/2025, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn Công ty TNHH A kháng cáo trong hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của những người làm chứng gồm Công ty TNHH X1 là ông Phạm Đình N; Công ty trách nhiệm hữu hạn T là ông Phan Hoàng P2 và ông Nguyễn Văn L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngày 27/02/2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần X là bà Lê Thị H, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn

A là ông Gính Thanh H1 cùng nộp biên bản thỏa thuận và văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề ngày 27/02/2025. Xét thấy, những người này đã có lời khai đầy đủ trong quá trình tham gia tố tụng, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bị đơn Công ty TNHH A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, phần quyết định của bản án không phù hợp với những tình tiết quan trọng khách quan của vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn là không phù hợp pháp luật gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3] Tại biên bản thỏa thuận ngày 27/02/2025 do các đương sự cung cấp thể hiện nguyên đơn Công ty Cổ phần X và bị đơn Công ty TNHH A đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể như sau:

+ Chấm dứt Hợp đồng sửa chữa tàu số 17A/2023/TLC ngày 03/7/2023 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty TNHH A.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn A CNC chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải trả cho Công ty Cổ phần X.

[4] Xét đây là tình tiết mới, thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên sự thỏa thuận của các bên đương sự là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[7] Về án phí:

[7.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[7.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A.
2. Sửa Bản Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 58/2024/KDTM-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

2.1. Chấm dứt Hợp đồng sửa chữa tàu số 17A/2023/TLC ngày 03/7/2023 giữa Công ty Cổ phần X với Công ty TNHH A.

2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.525.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001075 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A CNC số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 525.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 6.364.000 đồng (sáu triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004407 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí bổ sung đã nộp theo biên lai thu số 0002827 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương

2.4. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0001649 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do ông Gính Thanh H1 nộp).

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thị Thắm